

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/DS-ST

Ngày: 18 – 8 – 2020

V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi và
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xươngne.

Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLST-DS, ngày 29 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp Hợp đồng góp hụi và vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2020/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2020/QĐST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 13/3/1959, địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Văn S, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Huỳnh M, sinh năm 1965, cùng địa chỉ: Số 173, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, đều vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1954, địa chỉ: Tổ 9, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh ngày 01/01/1957, địa chỉ: Số X, Tổ 8, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

3. Bà Dương Thị B, sinh năm 1966, địa chỉ: Số Y, ấp P, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 27/4/2020, Biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2020 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà làm đầu thảo hụi, vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S là hụi viên, có tham gia hụi của bà, sau khi hốt xong, bà M và ông S không đóng hụi chết cho bà đầy đủ, bà phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà M và ông S. Đồng thời vợ chồng bà M, ông S làm đầu thảo hụi, bà là hụi viên, bà có tham gia 04 dây hụi mùa do vợ chồng bà M, ông S làm chủ, cụ thể như sau:

I. Hụi do bà M và ông S làm đầu thảo, bà là hụi viên tham gia 04 dây hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2018 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mãn ngày 10/9/2020 âm lịch, có 26 chung, bà tham gia 05 chung (để tên chị 6 M và anh 6 M), bà đã hốt hết 04 chung, còn sống 01 chung cụ thể như sau:

- 04 chung hụi bà đã hốt: 4 chung hụi này bà đã đóng sống được 11 lần, đến các lần thứ 12, 13, 14 và 15 bà hốt hết. Như vậy, bà còn nợ lại bà M và ông S 11 lần hụi chết x 1.000.000 đồng x 4 chung = 44.000.000 đồng.

- Chung hụi sống bà đã đóng được 15 lần = 15.000.000 đồng, đến lần khui thứ 16 (ngày 04/9/2019), vợ chồng ông S, bà M không khui nữa.

Như vậy dây hụi này, bà còn nợ lại bà M và ông S: 44.000.000 đồng - 15.000.000 đồng = 29.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 30/02/2019 âm lịch (nhằm ngày 04/4/2019 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mãn ngày 30/7/2020 âm lịch, có 18 chung, bà tham gia 02 chung (để tên chị 6 M), bà đã hốt 01 chung lần thứ 2 (ngày 30/3/2019, ra lời 230.000 đồng), bà còn nợ bà M 12 lần hụi chết (từ tháng 8/2019 đến tháng 7/2020-mãn hụi) x 1.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

Còn chung hụi sống bà đóng được 06 lần = 6.000.000 đồng. Dây hụi này bà M khui được 06 lần, đến lần thứ 7, bà M đình hụi, cho hụi viên bốc thăm, để nhận tiền cho 06 lần khui hụi.

Như vậy dây hụi này, bà còn nợ bà M và ông S 12.000.000 đồng – 6.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2015 âm lịch (nhằm ngày 04/01/2016 dương lịch), 04 tháng khui 01 lần, mãn ngày 25/7/2021 âm lịch, có 18 chung, bà tham gia 02 chung, đã hốt vào ngày 20/3/2017 và 25/7/2018. Dây hụi này bà còn nợ bà M và ông S 06 lần hụi chết (tính đến mãn hụi) x 5.000.000 đồng x 02 chung = 60.000.000 đồng.

Dây 4: Hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2016 âm lịch (nhằm ngày 23/12/2016 dương lịch), 04 tháng khui 01 lần, mãn ngày 25/11/2020 âm lịch, có 13 chung, bà đăng ký tham gia 02 chung, bà tham gia 01 chung (để tên

Nguyễn Văn M), em bà 01 chung (đề tên Nguyễn Lương T), nhưng em bà không đồng ý tham gia, nên bà trả lại cho bà M và bà M đã hốt chung hui này vào ngày 30/3/2019, đến ngày 30/7/2019 bà hốt chung hui của bà, bà ra lời 3.260.000 đồng, hốt được số tiền 34.960.000 đồng, nhưng bà M và ông S không giao tiền hốt hui cho bà. Đến lần khai thứ 10, vợ chồng ông S không khai nữa.

Nếu bà M giao tiền hốt hui cho bà, thì bà còn nợ lại bà M 04 lần hui chết x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

Như vậy, dây hui này bà M còn nợ: 34.960.000 đồng – 20.000.000 đồng = 14.960.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hui mà bà tham gia của bà M, sau khi khấu trừ qua lại, bà còn nợ bà M và ông S: (29.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 60.000.000 đồng) - 14.960.000 đồng = 80.040.000 đồng.

II. Hui do bà làm đầu thảo, bà M và ông S là hui viên, có tham gia 04 dây hui mùa và 07 khoảng hui tháng, cụ thể như sau:

Hui mùa: (04 dây)

Dây 1: Hui mùa 2.000.000 đồng (bốn tháng khai 01 lần), mở ngày 25/7/2015 âm lịch (nhằm ngày 07/9/2015 dương lịch), mãn ngày 25/7/2019 âm lịch, có 14 chung, bà M, ông S tham gia 02 chung (đề tên 8 S), bà M, ông S đã hốt hết 02 chung vào ngày 25/11/2015 và 29/7/2017. Bà M và ông S còn nợ bà 01 lần hui chết (tháng 7/2019) x 2.000.000 đồng x 02 chung = 4.000.000 đồng.

Dây 2: Hui mùa 5.000.000 đồng (bốn tháng khai 01 lần), mở ngày 15/11/2016 âm lịch (nhằm ngày 13/12/2016 dương lịch), mãn ngày 15/7/2020 âm lịch, có 12 chung, bà M, ông S tham gia 01 chung (đề tên Nguyễn Huỳnh M), đã hốt ngày 30/11/2018, ra lời 2.050.000 đồng. Bà M và ông S còn nợ bà 03 lần hui chết (vụ tháng 7/2019 và vụ tháng 3-7/2020) x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng.

Dây 3: Hui mùa (bốn tháng khai 01 lần) 5.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2018 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2018 dương lịch), mãn ngày 20/3/2022 âm lịch, có 02 tổ, mỗi tổ có 12 chung, bà M, ông S tham gia 02 tổ, mỗi tổ 01 chung (đề tên 8 S), đã hốt hết 02 chung của 02 tổ (ngày 20/7/2018, ra lời 2.000.000 đồng và ngày 30/11/2018, ra lời 2.270.000 đồng). Sau đó, bà M, ông S có đóng cho bà 02 lần hui chết (vụ tháng 3 và 7/2019) x 5.000.000 đồng x 02 chung = 20.000.000 đồng.

Bà M và ông S còn nợ bà 08 lần hui chết (từ vụ tháng 11/2019 đến vụ tháng 3/2022) x 5.000.000 đồng x 02 chung = 80.000.000 đồng.

Dây 4: Hui mùa (bốn tháng khai 01 lần) 5.000.000 đồng, mở ngày 30/11/2018 âm lịch (nhằm ngày 05/01/2019 dương lịch), mãn ngày 30/7/2022 âm lịch, có 02 tổ, mỗi tổ có 12 chung, bà M, ông S tham gia 01 tổ, 01 chung (đề tên 8 S), đã hốt xong (ngày 01/4/2019, ra lời 1.900.000 đồng). Sau đó, bà M, ông S có đóng cho bà 01 lần hui chết 5.000.000 đồng (vụ tháng 7/2019), còn nợ

bà 09 lần hụi chết (từ vụ tháng 11/2019 đến vụ tháng 7/2022) x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng.

Hụi tháng:

1/ Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 30/8/2017 âm lịch (nhằm ngày 19/10/2017 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mần ngày 30/8/2019 âm lịch, có 02 dây, mỗi dây có 25 chung, bà M và ông S tham gia 02 dây, mỗi dây 02 chung (để tên Nguyễn Huỳnh M, 8 S), đã hốt hết 04 chung của 02 dây. Sau đó, bà M, ông S có đóng cho bà hụi chết đến tháng 7/2019, còn nợ bà 01 lần hụi chết (tháng 8/2019) x 500.000 đồng x 04 chung = 2.000.000 đồng.

2/ Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/02/2018 âm lịch (nhằm ngày 31/3/2018 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mần ngày 15/3/2020 âm lịch, có 02 dây, mỗi dây có 26 chung, bà M và ông S tham gia 02 dây, mỗi dây 02 chung (để tên 8 S), và sang của cô L 01 chung (để tên L - Dây 2), bà M, ông S đã hốt hết 05 chung (ngày 15/3/2018 hốt 02 chung, ngày 15/6/2018 hốt 01 chung, ngày 15/7/2018 hốt 01 chung, ngày 15/3/2019 hốt 01 chung). Sau đó, bà M, ông S có đóng cho bà 05 lần hụi chết x 1.000.000 đồng = 5.000.000 đồng (đến tháng 8/2019). Từ tháng 9/2019 đến tháng 3/2020, bà M và ông S còn nợ bà 07 lần hụi chết x 1.000.000 đồng x 5 chung = 35.000.000 đồng.

3/ Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 10/4/2018 âm lịch (nhằm ngày 24/5/2018 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mần ngày 10/5/2020 âm lịch, có 02 dây, mỗi dây có 26 chung, bà M và ông S tham gia 02 dây, mỗi dây 02 chung (để tên 8 S), đã hốt hết 04 chung (ngày 10/6/2018 hốt 01 chung, ngày 10/8/2018 hốt 02 chung, ngày 10/10/2018 hốt 01 chung). Sau đó, bà M, ông S có đóng cho bà 10 lần hụi chết x 500.000 đồng = 5.000.000 đồng (đến tháng 8/2019). Từ tháng 9/2019 đến tháng 5/2020, bà M và ông S còn nợ bà 09 lần hụi chết x 500.000 đồng x 4 chung = 18.000.000 đồng.

4/ Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 20/9/2018 âm lịch (nhằm ngày 28/10/2018 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mần ngày 20/8/2020 âm lịch, có 02 dây, mỗi dây có 24 chung, bà M và ông S tham gia 02 dây, mỗi dây 01 chung (để tên 8 S), bà M, ông S có sang lại của Ba T 02 chung, của 02 dây. Bà M đã hốt hết 04 chung (ngày 20/10/2018 hốt 01 chung, ngày 20/12/2018 hốt 01 chung, ngày 20/01/2019 hốt 01 chung, ngày 20/02/2019 hốt 01 chung). Sau đó, bà M, ông S có đóng cho bà 05 lần hụi chết (đến tháng 7/2019) x 500.000 đồng x 04 chung = 10.000.000 đồng. Đến tháng 8/2019, bà M có đóng cho bà 700.000 đồng tiền hụi chết, còn nợ bà 1.300.000 đồng. Từ tháng 9/2019 đến tháng 8/2020, bà M và ông S còn nợ bà 12 lần hụi chết x 500.000 đồng x 4 chung = 24.000.000 đồng. Tổng cộng là (24.000.000 đồng + 1.300.000 đồng) = 25.300.000 đồng.

5/ Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 20/9/2018 âm lịch (nhằm ngày 28/10/2018 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mần ngày 20/6/2020 âm lịch, có 22 chung, bà M và ông S tham gia 02 chung (để tên 8 S). Bà M đã hốt hết 02 chung (ngày 20/12/2018 hốt 01 chung, ngày 20/02/2019 hốt 01 chung). Sau đó, bà M, ông S có đóng cho bà 06 lần hụi chết (đến tháng 8/2019) x 1.000.000

đồng x 02 chung = 12.000.000 đồng. Từ tháng 9/2019 đến tháng 6/2020, bà M và ông S còn nợ bà 10 lần hụi chết x 1.000.000 đồng x 2 chung = 20.000.000 đồng.

6/ Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 25/01/2019 âm lịch (nhằm ngày 19/02/2019 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mãn ngày 25/10/2020 âm lịch, có 02 dây, mỗi dây có 22 chung, bà M, ông S tham gia 02 dây, mỗi dây 01 chung (để tên 8 S), đã hốt hết 02 chung (ngày 25/3/2019 hốt 01 chung, ngày 25/4/2019 hốt 01 chung). Sau đó, bà M, ông S có đóng cho bà 03 lần hụi chết (đến tháng 7/2019) x 1.000.000 đồng x 02 chung = 6.000.000 đồng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 10/2020, bà M và ông S còn nợ bà 15 lần hụi chết x 1.000.000 đồng x 2 chung = 30.000.000 đồng.

7/ Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 06/10/2017 âm lịch (nhằm ngày 23/11/2017 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mãn ngày 06/9/2019 âm lịch, có 24 chung, bà M, ông S tham gia 02 chung (để tên 8 S), đã hốt hết 02 chung (ngày 06/02/2018 hốt 01 chung, ngày 06/5/2018 hốt 01 chung). Sau đó, bà M, ông S có đóng cho bà 15 lần hụi chết (đến tháng 8/2019) x 1.000.000 đồng x 02 chung = 30.000.000 đồng. Đến tháng 9/2019, bà M và ông S còn nợ bà 01 lần hụi chết x 1.000.000 đồng x 2 chung = 2.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi mùa và 07 khoảng hụi tháng do bà làm đầu thảo, vợ chồng bà M và ông S còn nợ bà tổng cộng là: 276.300.000 đồng = hụi mùa 144.000.000 đồng + hụi tháng 132.300.000 đồng. Khấu trừ số tiền nợ hụi chết mà bà còn thiếu bà M và ông S trong 04 dây mùa 80.040.000 đồng, thì còn nợ bà **196.260.000 đồng**.

Ngoài ra, bà M và ông S còn nợ bà một số tiền đã mượn như sau: Vào ngày 22/3/2017 âm lịch (nhằm ngày 18/4/2017 dương lịch), bà đi mượn giùm bà M 20.000.000 đồng của ông Sáu Đèo, lãi suất 5%/tháng, bà M có đưa tiền cho bà đóng lãi cho ông Sáu Đ đến tháng 7/2019. Từ tháng 8/2019, bà M không đóng lãi cho ông Đ, nên bà đã lấy tiền của bà trả cho ông Đ và lãi của tháng 8/2019 âm lịch.

Khi thỏa thuận chơi hụi, hai bên ghi địa chỉ theo danh sách chơi hụi là ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (địa chỉ của con bà). Khui hụi tại nhà của bà Nguyễn Huỳnh M ở ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có nhiều người và ông Mai Văn S cũng biết việc chơi hụi này và một số dây hụi có ghi tên ông S.

Tiền hụi hốt được và tiền đầu thảo, bà M sử dụng để xây dựng nhà cửa và làm chuồng trại nuôi heo, khi dịch bệnh heo Châu Phi xảy ra, heo chết hết và việc chăn nuôi heo thất bại, lỗ lã.

Việc giao tiền hụi mùa khi hốt, bà có cho bà M ký tên nhận tiền trong sổ sách, bà sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Tổng số tiền hụi mà bà còn nợ của bà M, ông S là 80.040.000 đồng, bà đồng ý khấu trừ số tiền này cho bà M, ông S. Còn tổng số tiền hụi và tiền vay

mà bà M, ông S còn nợ bà là 296.300.000 đồng. Khấu trừ qua lại, bà M, ông S còn thiếu nợ bà 216.260.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M trả cho số tiền nợ hụi 196.260.000 đồng và tiền nợ mượn 20.000.000 đồng, không tính lãi, tổng cộng 216.260.000 đồng.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2020, người làm chứng bà Nguyễn Thị S trình bày:*

- Bà không có quan hệ bà con hay thân thích gì với bà Nguyễn Thị N và vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S, bà chỉ là hụi viên chơi hụi chung với bà M, ông S, hụi do bà N làm chủ. Cụ thể bà tham gia 04 dây hụi tháng do bà N làm chủ, chơi hụi chung với bà M, ông S:

1. Hụi tháng 500.000 đồng, khai ngày 30/8/2017 âm lịch, tham gia chơi 01 chung để tên chị Sáu C, có 25 chung, dây này đã mãn.

2. Hụi tháng 500.000 đồng, khai ngày 10/4/2018 âm lịch, có hai dây, mỗi dây có 26 chung, bà tham gia chơi 02 chung, mỗi dây 01 chung, để tên chị Sáu C, dây này đã mãn.

3. Hụi tháng 500.000 đồng, khai ngày 20/9/2018 âm lịch, có hai dây, mỗi dây có 24 chung, bà tham gia chơi 04 chung, mỗi dây 02 chung, để tên chị Sáu C, dây này còn 01 lần nữa mới mãn.

4. Hụi tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 25/01/2019 âm lịch, tham gia chơi 01 chung để tên chị Sáu C, có 22 chung, dây này chưa mãn, còn 04 lần nữa.

Trong bốn dây hụi nêu trên, bà biết vợ chồng bà M, ông S đã hốt hụi hết và còn nợ tiền hụi của bà N, vì bà M đã bỏ đi từ ngày 04/9/2019 âm lịch và không đóng hụi chết cho bà N đến nay.

- Bà cũng có ký tên làm chứng trong Tờ Giấy cổ đất ngày 28/8/2019 giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N với vợ chồng ông Quách Văn K, bà Huỳnh Thị N, rồi bà N giao số tiền cổ đất cho bà M mượn 100.000.000 đồng.

- Bà cam đoan lời khai của mình nêu trên là sự thật và chịu trách nhiệm với lời khai của mình.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2020, người làm chứng bà Dương Thị B trình bày:*

- Bà không có quan hệ bà con hay thân thích gì với bà Nguyễn Thị N và vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S. Bà và bà Nguyễn Thị G là hụi viên có tham gia chơi hụi chung do bà N và vợ chồng bà M, ông S làm chủ hụi, cụ thể là các dây hụi hiện nay mà bà N đang khởi kiện vợ chồng bà M, ông S tại Tòa án.

- Còn việc vợ chồng bà M, ông S có thiếu nợ hụi của bà N hay không, bà không biết, bà chỉ biết có tham gia chơi hụi chung mà thôi, nợ nần tiền hụi, bà

không biết.

- Bà cam đoan lời khai của mình nêu trên là sự thật và chịu trách nhiệm với lời khai của mình.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2020, người làm chứng bà Nguyễn Thị G trình bày:*

- Bà không có quan hệ bà con hay thân thích gì với bà Nguyễn Thị N và vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S. Bà là hội viên có tham gia chơi hội chung do bà N và vợ chồng bà M, ông S làm chủ hội, cụ thể là các dây hội mà hiện nay bà N đang khởi kiện vợ chồng bà M, ông S tại Tòa án.

- Các dây hội mùa 5.000.000 đồng mà vợ chồng bà M, ông S làm chủ, bà N đã hót hết và còn nợ tiền hội, bà chưa hót dây hội nào.

- Các dây hội do bà N làm chủ (hội mùa 5.000.000 đồng và các dây hội tháng), mà hiện nay bà N đang khởi kiện vợ chồng bà M, ông S tại Tòa án, thì vợ chồng bà M, ông S đều có tham gia và hót hết, đến ngày 04/9/2019 âm lịch, bà M bỏ đi và không đóng hội chết cho bà N đến nay. Các dây hội này, vợ chồng bà M, ông S còn nợ tiền hội chết của bà N.

- Bà cam đoan lời khai của mình nêu trên là sự thật và chịu trách nhiệm với lời khai của mình.

**Bị đơn ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M đều vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng

[1] Theo biên bản xác minh ngày 19/5/2020, Công an thị trấn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cho biết như sau: Vợ chồng ông Mai Văn S, bà Nguyễn

Huỳnh M hiện nay đang cư trú và còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số X, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Theo nội dung Tờ Cam kết ngày 26/12/2019, thể hiện: Bà Nguyễn Huỳnh M, hiện ngụ tại ấp A, thị trấn K, Sóc Trăng, hứa ngày 01/02/2020 âm lịch, sẽ tiếp tục khai hui 5.000.000 đồng trở lại, nếu như ngược lại, bà không làm đúng cam kết, chị em có quyền lấy đất (03 công tầm lớn), theo như Hợp đồng đã giao. Nghĩa là bà sẽ cầm cố hoặc bán trả cho chị, em. Sau 10 ngày, kể từ ngày khai hui, Đầu thảo phải chung đủ tiền, bà làm giấy này để làm bằng chứng, nếu sai trái bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[3] **Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết** số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự, về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, cụ thể về việc xử lý việc ghi địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: *“a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.*

[4] Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định, tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

- Về nội dung

[5] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận và giao kết Hợp đồng góp hui với nhau, theo các dây hui mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[6] Nguyên đơn cho rằng: **Các các dây hui mà bà khởi kiện vợ chồng bà M, ông S có những người tham gia chơi hui chung biết, là những người làm chứng bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị G và bà Dương Thị B.** Lời trình bày này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, vì theo lời trình bày của bà Sáu: Bà với vợ chồng ông S, bà M có tham gia 04 dây hui tháng do bà N làm chủ, vợ

chồng ông S, bà M đã hốt hui hết và còn nợ tiền hui của bà N, vì bà M đã bỏ đi từ ngày 04/9/2019 âm lịch và không đóng hui chết cho bà N đến nay. Bà cũng biết việc bà N giao số tiền cổ đất 100.000.000 đồng cho bà M mượn. Theo lời trình bày của bà Giàu cho rằng: Các dây hui do bà N làm chủ (hui mùa 5.000.000 đồng và các dây hui tháng), mà hiện nay bà N đang khởi kiện, vợ chồng bà M, ông S đều có tham gia và hốt hết, đến ngày 04/9/2019 âm lịch, bà M bỏ đi và không đóng hui chết cho bà N. Các dây hui này, vợ chồng bà M, ông S còn nợ tiền hui chết của bà N; **Còn lời khai của bà Bảy cho rằng: Có tham gia chơi hui chung do bà N và vợ chồng bà M, ông S làm chủ hui, cụ thể là các dây hui hiện nay mà bà N đang khởi kiện vợ chồng bà M, ông S tại Tòa án. Bà M đã bỏ đi từ ngày 04/9/2019 âm lịch đến nay. Điều này cũng phù hợp với nội dung Tờ Cam kết mà bị đơn bà M đã ký ngày 26/12/2019.**

[7] Theo biên nhận ngày 11/12/2018 thể hiện nội dung: Bà Nguyễn Huỳnh M có hốt số tiền trong Tổ hùn vốn của bà Nguyễn Thị N giao cho là 02 chung 5.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 73.050.000 đồng (01 chung 30.300.000 đồng, 01 chung 42.750.000 đồng). **Bà M đã nhận đủ số tiền này và đồng ý ký tên.**

[8] Theo nội dung Tờ Giấy cổ đất ngày 28/8/2019 thể hiện: Vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N cổ 04 công đất tầm lớn cho vợ chồng ông Quách Văn K, bà Huỳnh Thị N, với số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn cổ 02 năm, rồi bà N giao số tiền cổ đất cho bà Nguyễn Huỳnh M mượn 100.000.000 đồng. Việc mượn tiền này phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị S nêu trên. Tại phiên tòa, bà N cho rằng số tiền 100.000.000 đồng mà vợ chồng bà cho bà M mượn, đã được tính luôn trong số tiền nợ hui mà hiện nay bà khởi kiện vợ chồng bà M, ông S.

[9] Theo giấy mượn tiền ngày 22/3/2017 thể hiện nội dung: Bà Nguyễn Huỳnh M có mượn chị Sáu M (bà N), mượn số tiền của ông Sáu Đèo 20.000.000 đồng, lãi suất 5%, bà M nhận đủ số tiền và ký tên (bút lục 09).

[10] Đối với số tiền hui mà nguyên đơn thừa nhận còn nợ bị đơn 80.040.000 đồng và đồng ý khấu trừ cho bị đơn, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái pháp luật và đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn, cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[11] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Họ, hui, biêu, phường: *“Họ, hui, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”*.

[12] Như vậy, có căn cứ xác định, nguyên đơn và bị đơn có tham gia chơi hụi với nhau, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 196.260.000 đồng và số tiền vay 20.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 166, 351, 357, 463, 466, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, buộc vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền nợ hụi 196.260.000 đồng và số tiền nợ vay 20.000.000 đồng, tổng cộng là 216.260.000 đồng.

[13] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[14] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên bà N không phải chịu án phí và cũng không phải nộp tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Vợ chồng bà M, ông S phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là 216.260.000 đồng x 5% = 10.813.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 166, 351, 357, 463, 466, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết** số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N đồng ý khấu trừ cho vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S số tiền nợ hụi 80.040.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, buộc vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền nợ hui 196.260.000 đồng và số tiền nợ vay 20.000.000 đồng, tổng cộng là 216.260.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà N không phải chịu án phí và cũng không phải nộp tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Buộc vợ chồng bà M, ông S phải liên đới chịu 10.813.000 đồng.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng